TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 23, 30/05 - 03/06/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Rủi ro tiềm tàng"

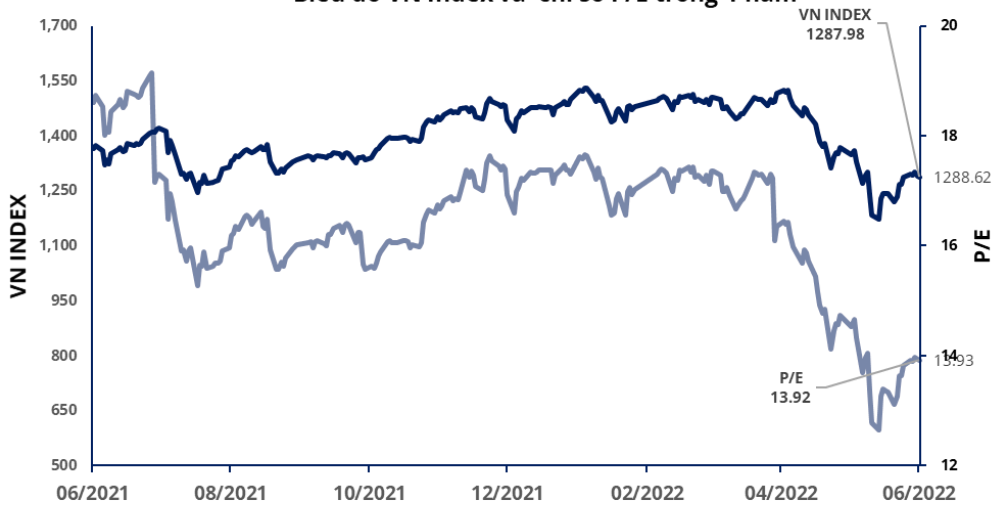
Thị trường chứng khoán trên toàn cầu diễn biến trái chiều trong tuần qua. Thị trường chứng khoán Mỹ tuần qua trượt dài khi các nhà đầu tư lo ngại lạm phát và vấn đề suy thoái kinh tế. Chỉ số S&P 500 giảm nhẹ 48.74 điểm trong khi lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ 10 năm đã bật tăng mạnh lên 2.96%. Các nhà đầu tư trên thị trường đang chờ đợi vào cuộc họp ngày 14/6 sắp tới để có thể đánh giá rõ hơn về khả năng lèo lái nền kinh tế của FED trong giai đoạn này. Tại châu Âu, chỉ số STOXX Europe 600 Index giảm nhẹ 0.87%, chỉ số CAC 40 của Pháp đi lùi 0.47% khi EU cấm tất cả những chuyến vận chuyển dầu của Nga bằng đường biển. Tại châu Á, thị trường chứng khoán Nhật Bản tăng mạnh, chỉ số Nikkei 225 leo dốc 3.66%, việc Nhật Bản nới lỏng các biện pháp kiểm soát biên giới và Trung Quốc mở cửa trở lại đã giúp thị trường bứt phá. Thị trường chứng khoán Trung Quốc cũng khởi sắc mạnh mẽ nhờ vào hàng loạt các biện pháp hỗ trợ kinh tế của chính phủ, chỉ số Shanghai Composite đã tăng 2.1%

Thị trường chứng khoán Việt Nam duy trì sự phục hồi trong tuần qua nhưng đà tăng đã chững lại do áp lực chốt lời của các nhà đầu tư. VN Index có tuần giao dịch chặt chẽ phía dưới ngưỡng kháng cự 1.300 điểm. Kết tuần, chỉ số VN Index tăng nhẹ 2.44 điểm chạm mốc 1287.98. Chỉ số HNX Index giảm 0.69 điểm về mức 310.48 điểm, trong khi đó UPCOM giảm nhẹ 0.15 điểm về ngưỡng 94.17.

Góc nhìn kỹ thuật cho thấy chỉ số VN-Index kết thúc tuần qua với nến doji nằm dưới kháng cự 1.300 điểm. Áp lực bán mạnh mẽ xuất hiện khi VN Index vượt kháng cự 1.300 do lượng cung của các nhà đầu tư bắt đáy chốt lời. Thanh khoản trên thị trường tiếp tục cải thiện so với tuần trước đó. Trong khi đó, chỉ số vĩ mô tháng tháng 5 của Việt Nam cho thấy những con số tích cực. Cụ thể, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10.5%, doanh số bán lẻ tăng 22.6%, chỉ số PMI đạt 54.7 vượt xa kỳ vọng 51.7 cùng với mức lạm phát được kiểm soát tốt ở mức 2.86%. Những con số trên cho thấy rằng nền kinh tế Việt Nam vẫn đang phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn đại dịch Covid-19.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,288	-0.5	-5.8	-14.4	-10.8		13.9	2.2	220
Upcom Index	94	-1.6	-9.7	-16.8	-16.0		15.1	1.7	54
HNX Index	310	-0.7	-15.1	-30.9	-30.9		16.0	1.8	14
VN30 Index	1,327	-1.2	-6.3	-12.8	-11.7		11.6	2.3	152
S&P 500 Index	4,109	-1.2	-1.6	-5.8	-9.5		20.5	4.1	35,994
STOXX Europe 600 Index	440	-1.5	-1.4	0.6	-4.9		15.8	1.9	13,065
Hang Seng	21,082	-0.2	-0.1	-6.2	-11.3		7.6	0.8	2,841
Nikkei 225	27,762	1.4	3.5	4.5	-1.0		19.7	1.7	3,627
SHCOMP Index	3,195	1.5	4.9	-8.2	-11.4		12.9	1.4	6,473
STI Index	3,232	-0.2	-3.7	-0.7	4.2		13.7	1.1	362
KOSPI Index	2,671	0.0	-0.4	-2.8	-10.0		11.5	1.0	1,634

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Giá trị giao dịch trên thị trường tiếp tục dưới ngưỡng trung bình 20 phiên giao dịch. Cụ thể, thanh khoản trung bình mỗi phiên đạt 13,559 tỷ tăng gần 4% so với trung bình tuần trước đó.

Theo nhóm vốn hóa, nhóm vốn hóa lớn và vừa có sự tăng trưởng nhẹ về tổng vốn hóa, trong khi nhóm vốn hóa nhỏ giảm 1.7% giá trị. Về giá trị giao dịch, cả ba nhóm vốn hóa đều ghi nhận sự tăng trưởng. Đáng chú ý, nhóm Small Cap ghi nhận thanh khoản tăng vọt gần 20% so với tuần trước đó. Trong khi nhóm Large Cap có thanh khoản gần như đứng yên khi chỉ tăng 1%.

Các nhóm ngành trong tuần qua sự phân hóa rõ rệt, vốn hóa của nhóm tiện ích cộng đồng đã tăng mạnh gần 10% so với tuần trước. Đứng thứ hai là nhóm dầu khí nhờ vào việc giá dầu phá đỉnh 2 tháng, có thời điểm giá dầu Brent đã vượt qua mốc 121 đô la. Cổ phiếu ngành tiện ích đặc biệt là nhóm cổ phiếu thủy điện đang bứt phá mạnh mẽ khi hiệu suất hoạt động của các nhà máy thủy điện cải thiện trong điều kiện thủy văn thuận lợi (La Nina) cùng với việc hưởng lợi từ việc nguy liệu đầu vào của ngành điện khí, điện tăng tăng mạnh .

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	% thay đổi GTGD 1Thg	% thay đổi GTGD TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	%tỉ trọng GTGD TĐ	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Large Cap	0.2	-5.2	17.5	1.0	-4.9	-27.0	70.5	-2.0	13.8	2.2	4,424,323
Mid Cap	0.2	-8.6	28.6	11.0	9.8	-38.2	27.6	1.8	13.9	1.4	611,296
Small Cap	-1.7	-10.9	22.0	19.7	4.6	-63.3	1.8	0.2	20.8	0.9	72,236

Theo ngành

Tên ngành	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	% thay đổi GTGD 1Thg	% thay đổi GTGD TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	%tỉ trọng GTGD TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Tiện ích Cộng đồng	9.9	10.8	30.2	70.8	53.9	15.5	3.5	1.4	18.2	2.6	377,187
Dầu khí	2.4	-6.1	-8.8	24.8	39.4	-14.0	2.0	0.3	27.6	2.3	66,894
Dịch vụ Tiêu dùng	1.6	-4.4	45.9	21.2	11.8	-19.8	5.1	0.7	n.a	4.8	271,450
Công nghệ Thông tin	1.4	6.9	117.2	19.2	11.9	-15.4	2.2	0.3	21.9	3.5	119,387
Công nghiệp	0.8	-5.1	28.1	13.0	2.0	-38.0	13.4	1.1	15.7	1.3	271,859
Hàng Tiêu dùng	0.8	-3.3	0.0	18.0	20.3	-18.4	12.6	1.5	17.3	2.8	622,222
Nguyên vật liệu	0.0	-14.4	24.8	-2.8	-1.0	-33.7	17.9	-1.3	6.6	1.7	424,668
Tài chính	-0.8	-5.5	19.4	-2.4	-5.3	-33.0	30.1	-2.0	19.2	2.1	1,381,170
Ngân hàng	-1.6	-8.7	15.6	-10.6	-24.6	-42.1	12.7	-2.1	10.1	1.7	1,533,894
Dược và Y tế	-1.8	-7.9	4.5	1.3	-20.3	-71.7	0.3	0.0	15.9	2.1	34,472

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

Về sự dịch chuyển của dòng vốn trên thị trường châu Á, thị trường Hàn Quốc và Đài Loan thu hút dòng tiền mạnh mẽ nhất lần lượt là 1,098 và 1,093 triệu USD. Trong khi đó, thị trường Phillippines bị rút ròng nhẹ 20 triệu USD. Tại thị trường Việt Nam, dòng vốn ngoại cho thấy tín hiệu tích cực khi tăng 43 triệu USD.

Thông qua kênh ETF, các quỹ ETF nước ngoài mua ròng 19.06 triệu đô la chủ yếu đến từ quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF khi mua 20.71 triệu USD. Trong khi đó, quỹ Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF bán ròng 1.65 triệu USD. Các quỹ ETF trong nước đã bán ròng 2.18 triệu đô la. Cụ thể, quỹ DCVFMVN30 ETF FUND và quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF bán ròng lần lượt 2.03 và 0.15 triệu USD.

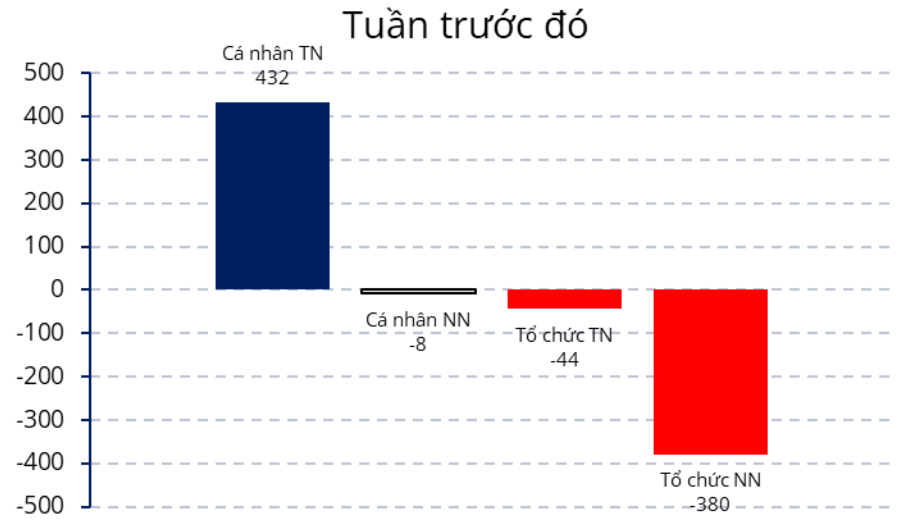
Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**2,983**	**16.88**	**65.59**	**6.6**	**72.9**
Nước ngoài	**1,839**	**19.06**	**60.85**	**15.7**	**132.8**
VanEck Vectors Vietnam ETF	418	0.00	-3.08	-29.0	-0.9
Fubon FTSE Vietnam ETF	541	20.71	102.00	122.6	375.1
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	408	0.00	-17.76	-37.5	-30.2
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	289	-1.65	-3.34	-22.5	-109.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	140	0.00	-16.96	-17.0	-105.9
Premia MSCI Vietnam ETF	24	0.00	0.00	-1.0	-0.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	6	0.00	0.00	0.0	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	12	0.00	0.00	0.0	12.7
Trong nước	**1,144**	**-2.18**	**4.73**	**-9.1**	**-60.0**
DCVFMVN Diamond ETF	608	0.00	0.00	0.0	-102.5
DCVFMVN30 ETF Fund	364	-2.03	-0.11	-8.0	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	124	-0.15	4.12	-4.0	0.1
MAFN VN30 ETF	27	0.00	0.72	2.9	32.8
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.00	0.00	0.00	9.7

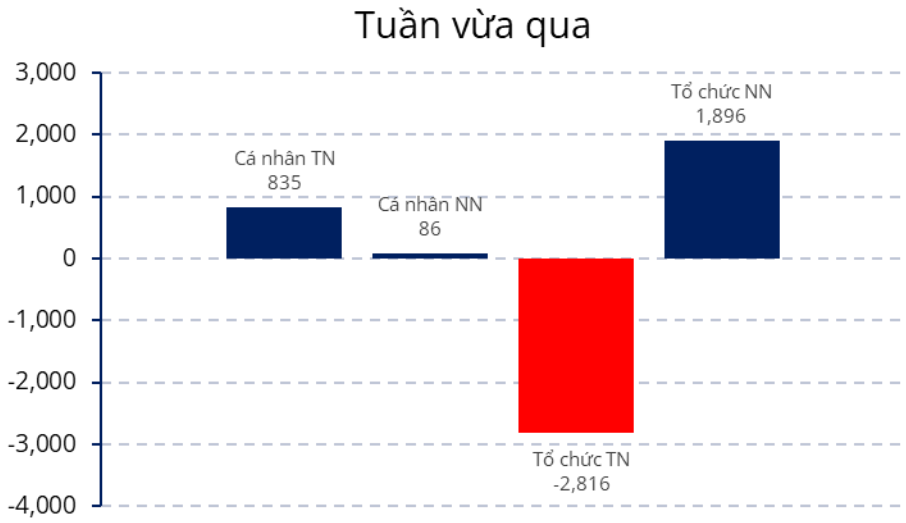
Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	-64,037	-116,788	-116,788
Ấn độ	73	-93	-8,780	-22,308
Indonesia	305	24	2,564	4,793
Nhật Bản	7	-1,993	27,611	10,129
Maylaysia	111	10	221	1,762
Philippines	-20	-17	-465	-585
Hàn Quốc	1,098	-115	-4,908	-11,405
Sri Lanka	1	1	2	-8
Đài Loan	1,093	-684	-9,729	-27,029
Thái Lan	178	-99	814	4,183
Việt Nam	43	4	195	-111

Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Về hoạt động giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 1,982 tỷ. Tương tự, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước mua ròng 835 tỷ đồng. Trong khi đó, các nhà đầu tư tổ chức trong nước bán ròng 2,816 tỷ.





Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	TGG	Xây dựng và Vật liệu	4.65 - 77.40	7.9	-14.70%
2	VMD	Y tế	19.80 - 88.10	25.4	-12.41%
3	HOT	Du lịch và Giải trí	25.05 - 42.80	30.0	-12.28%
4	TDH	Bất động sản	6.00 - 15.85	7.1	-11.85%
5	BAF	Sản xuất nông nghiệp	11.91 - 38.70	33.5	-11.02%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
31.69%	21.4	14.80 - 31.70	Truyền thông	YEG
21.48%	56.0	23.50 - 56.60	Hóa chất	TNC
20.33%	25.8	7.60 - 26.90	Ô tô và phụ tùng	TMT
19.69%	60.8	23.40 - 60.90	Thực phẩm và đồ uống	ANV
17.81%	25.8	22.40 - 49.10	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	CNG

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	THD	Bất động sản	39.20 - 277.00	41.2	-22.26%
2	VDL	Thực phẩm và đồ uống	18.10 - 26.90	20.0	-16.67%
3	PTD	Xây dựng và Vật liệu	13.10 - 19.80	14.3	-15.88%
4	DPC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.70 - 28.20	10.7	-15.08%
5	CMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.80 - 41.20	12.8	-14.09%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
25.30%	10.4	6.60 - 11.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	L61
23.13%	19.7	9.60 - 19.70	Tài nguyên Cơ bản	HPM
19.23%	186.0	60.00 - 484.00	Xây dựng và Vật liệu	L14
18.81%	24.0	12.70 - 24.00	Xây dựng và Vật liệu	SIC
17.78%	10.6	4.90 - 11.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MAC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	MA1	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.00 - 35.00	21.5	-28.57%
2	CID	Xây dựng và Vật liệu	5.50 - 18.00	7.8	-27.78%
3	VDN	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.00 - 24.00	18.0	-24.69%
4	CQN	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.00 - 33.90	22.0	-21.43%
5	FIC	Xây dựng và Vật liệu	8.00 - 44.90	24.0	-20.00%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
60.94%	10.3	5.00 - 10.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	BTG
38.67%	112.6	56.00 - 122.40	Hóa chất	VET
38.16%	28.6	19.90 - 40.50	Tài nguyên Cơ bản	KTL
34.45%	16.0	6.00 - 41.20	Xây dựng và Vật liệu	E12
33.06%	47.9	20.00 - 48.00	Thực phẩm và đồ uống	BLT

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	S4A	Thủy điện Sê San 4A	Thực phẩm và đồ uống	1,489	2,763.2	35.3	24.80 - 37.90	0.9
2	PGV	Tổng Công ty Phát điện 3	Điện, nước & xăng dầu khí đố	625	756.7	31.8	26.50 - 44.40	10.0
3	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,459	588.4	93.0	69.40 - 95.70	4.4
4	VFG	Khử trùng Việt Nam	Hóa chất	48	381.3	51.1	46.70 - 71.50	-1.2
5	TBC	Thủy điện Thác Bà	Điện, nước & xăng dầu khí đố	158	299.7	30.5	26.20 - 35.70	2.2
6	GAS	PV Gas	Điện, nước & xăng dầu khí đố	143,938	282.6	124.2	85.00 - 128.40	12.9
7	OPC	Dược phẩm OPC	Y tế	675	272.0	57.5	53.00 - 72.00	2.7
8	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đố	6,038	260.8	39.0	26.30 - 42.40	8.9
9	THI	Thiết bị điện	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	225	256.3	27.0	25.40 - 33.80	2.9
10	TRA	Traphaco	Y tế	323	216.4	94.9	69.00 - 105.00	0.3

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	101.68	-0.15	-1.73	3.98	6.28	
VND/USD	23,197	-0.01	1.00	1.54	1.63	
KRW/USD	1,242.40	-1.11	-2.01	3.13	4.50	
JPY/USD	129.89	2.19	-0.19	12.50	12.87	
EUR/USD	0.93	-0.20	-2.20	2.88	5.73	
SGD/USD	1.37	0.18	-0.91	1.14	1.68	
CNY/USD	6.66	-1.17	0.78	5.37	4.79	

Hàng hóa

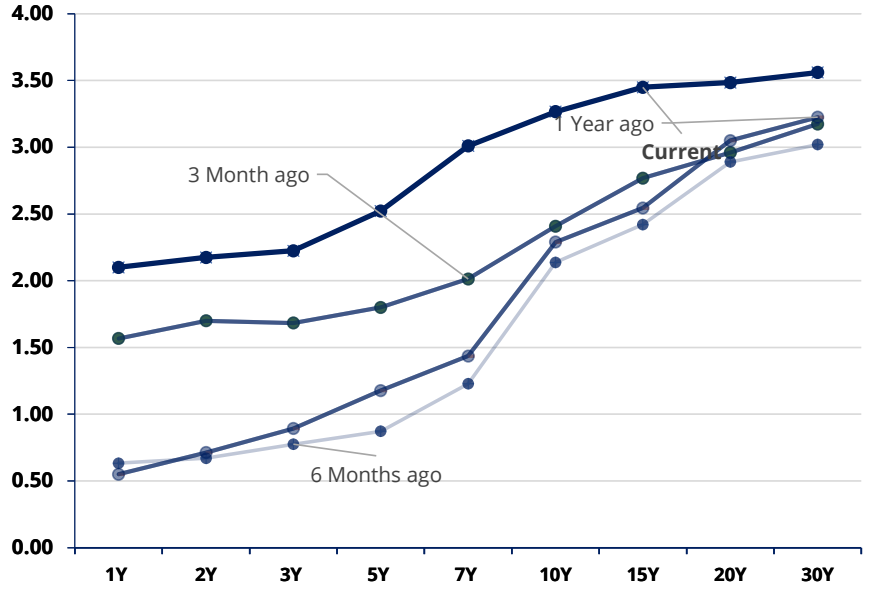
	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	115.67	1.38	12.95	7.43	53.80	
Xăng	417.81	7.76	19.33	27.21	87.48	
Gas	8.27	-7.20	3.94	75.07	121.64	
Than	412.50	2.36	37.59	-6.25	143.22	
Vàng	1,865.02	0.61	-0.17	-3.66	1.96	
Bạc	22.31	0.89	-1.16	-11.38	-4.28	
Platinum	1,018.92	6.34	5.42	-5.96	5.18	
Quặng sắt	142.35	6.81	-1.20	-2.55	26.53	
Thép cán	4,856.00	1.38	-5.23	-4.75	2.25	
Lúa mì	1,064.75	-6.87	3.00	-17.40	38.14	
Ngô	727.75	-4.87	-9.12	-3.13	22.67	
Gỗ	598.50	-8.18	-42.16	-57.81	-47.86	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	2.10	2.18	2.23	2.52	3.01	3.27	3.45	3.49	3.56
Thay đổi (BPS)	0.00	3.00	0.80	-1.30	2.80	2.70	3.90	1.00	1.00

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.